

Bản án số: 110/2018/HS-ST
Ngày 16 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Nguyễn Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 99/2018/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Thanh T, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1987 tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 5, khu 3, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân Th và bà Nguyễn Thị X; đã có vợ là Nguyễn Thị M (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2012; tiền án: 1) Ngày 25/10/2007, bị Tòa án nhân dân thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (trị giá 20.400.000 đồng), buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 6.800.000 đồng, buộc bị cáo phải nộp 50.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 340.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (đến nay, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, đã thi hành xong hành tiền án phí nhưng chưa thi hành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại); 2) Ngày 27/9/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (trị giá 15.000.000 đồng), buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại 1.100.000 đồng, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (ngày 04/9/2017, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, đã nộp xong tiền án phí, nhưng chưa thi hành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại); tiền sự: không; nhân thân: Ngày 08/6/2009, bị Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí (nay là thành phố Uông Bí) xử phạt 33 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, truy thu của bị cáo số tiền 1.700.000 đồng sung ngân sách Nhà nước và buộc bị cáo phải nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm (bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án); bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 08/5/2018 theo Quyết định truy nã;

tạm giam ngày 11/5/2018; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Bị hại: Anh Lê Thanh T1, sinh năm 1967; nơi cư trú: tổ 3B, khu 2, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1) Chị Nguyễn Thị Lê H, sinh năm 1982; nơi tạm trú: tổ 3B, khu 2, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Tân Mỹ, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2) Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ 2, khu An Hải, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 3, khu Bạch Đằng 1, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Những người chứng kiến:

1) Anh Phạm Văn C; sinh năm 1984; địa chỉ: tổ 2B, khu 1, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

2) Anh Phạm Văn C1; sinh năm 1981; địa chỉ: tổ 3, khu Bạch Đằng 1, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

3) Anh Hoàng Văn Y; sinh năm 1981; địa chỉ: khu Bạch Đằng 1, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 19/3/2018, anh Lê Thanh T1 mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Ariblade biển kiểm soát 73E1-203.27 của chị Nguyễn Thị Lê H chở anh Phạm Văn C1 đi chơi. Khoảng 06 giờ ngày 20/3/2018, cả hai về nhà anh C1 ở tổ 2B, khu 1, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí. Tại đây, anh T1 gặp anh Phạm Văn C (em trai của anh C1) và Lê Thanh T là bạn của anh C. Ngồi chơi khoảng 30 phút, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh T1. T nói dối anh T1 cho T mượn xe đi ra thành phố Uông Bí có việc khoảng 15 phút sẽ về ngay. Lúc đầu anh T1 chưa đồng ý nhưng ngay sau đó anh T1 bảo anh C đi cùng với T. Anh C đồng ý đi thì anh T1 đã cho T mượn xe và giao chìa khóa xe cho T. T điều khiển chở anh C đi đến khu vực đường đôi thuộc phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí. Thấy T đi lâu chưa về, anh T1 nhiều lần điện thoại cho T nhắc T đem xe về. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T nói dối anh C: “Ông T1 đã đồng ý cho tao cầm cố xe này, tao đang cần tiền gấp, mày biết chỗ nào nhận cầm cố dẫn tao đi”. Tin lời T, anh C dẫn T đến gặp anh Hoàng Văn Y nhà ở khu Bạch Đằng 1, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí. Tại đây, T nói với anh Y: “Xe của em, có giấy tờ đầy đủ”, nhưng anh Y nói không có tiền và đã điện thoại hỏi Nguyễn Tiến Đ (bạn anh Y) về việc nhận cầm cố xe. Anh Đ đồng ý bảo anh Y đưa đến. Sau đó anh Y cùng anh C và T đến nhà Đ. Đến nơi, một mình T vào trong nhà và nói với anh Đ: “Anh cầm cố giúp em cái xe, xe của gia đình em, do em giận bố mẹ nên mới cầm, vài hôm nữa em chuộc”. Hai

bên thỏa thuận: T vay của Đ 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và có viết giấy vay tiền đưa cho Đ, thời hạn 1 tuần trả tiền lấy xe. T sử dụng hết số tiền cầm cố xe và trốn khỏi địa phương. Sau khi biết T đã đem xe đi cầm cố. Anh T1 nói cho chị H biết và đã trình báo Công an thành phố Uông Bí. Ngày 24/3/2018, chị H đã trả cho Đ 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để nhận lại chiếc xe trên. Chị H yêu cầu T phải trả cho mình số tiền này.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 23 ngày 09/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Uông Bí kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Ariblade, màu sơn đỏ cam, biển số đăng ký 73E1-203.27, đã qua sử dụng có giá là 15.500.000đ (Mười năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo khai: Việc đem xe của anh T1 đến cầm cố để vay tiền anh Đ do một mình bị cáo thực hiện, không bàn bạc và không chia cho ai số tiền có được. Bị cáo chấp nhận sẽ trả cho chị H số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng hiện tại bị cáo không có điều kiện để trả.

Quá trình điều tra, bị hại (anh Lê Thanh T1) khai báo toàn bộ nội dung sự việc cơ bản như Cáo trạng. Anh đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật và trả cho chị H số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo yêu cầu của chị H.

Giai đoạn điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị Lê H) khai báo: Chị cho anh T mượn xe mô tô để sử dụng thì bị T lừa mang xe đi cầm cố, chị phải bỏ ra số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) trả cho anh Đ để nhận lại xe, chị yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho mình số tiền này. Tại phiên tòa, xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, chị rút toàn bộ yêu cầu này.

Giai đoạn điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Nguyễn Tiến Đ) khai báo: Bị cáo đến nhà anh nói dối là xe của bị cáo, nhưng để giấy tờ ở nhà, anh đã cho bị cáo cầm cố xe để vay 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó, chị H đã đến trả tiền và chuộc lại xe. Anh không biết chiếc xe mô tô trên do bị cáo phạm tội mà có.

Giai đoạn điều tra, những người làm chứng và những người chứng kiến nêu trên đã khai báo toàn bộ nội dung sự việc cơ bản như nội dung Cáo trạng.

Tại bản Cáo trạng số 103/CT-VKSUB-QN ngày 27 tháng 6 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị can Lê Thanh T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

(1) Tuyên bố: Bị cáo Lê Thanh T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

(2) Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Thanh T từ 36

(ba mươi sáu) đến 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 08/5/2018);

(3) Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

(4) Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Đề nghị truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 4.500.000 đồng của bị cáo do phạm tội mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với bản ảnh vật chứng, bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, cùng những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/3/2018, anh Lê Thanh T1 mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Ariblade biển kiểm soát 73E1-203.27 của chị Nguyễn Thị Lệ H để sử dụng. Đây là quan hệ dân sự hợp pháp thông qua hợp đồng mượn tài sản quy định của pháp luật. Do có ý thức chiếm đoạt tài sản của anh T1 từ trước, khoảng 06 giờ 30 ngày 20/3/2018 tại nhà anh Phạm Văn C1 thuộc tổ 2B, khu 1, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, Lê Thanh T đã gặp và nói dối anh T1 mượn chiếc xe mô tô trên trị giá 15.500.000đ (Mười năm triệu năm trăm nghìn đồng) đi có việc xong về sẽ trả lại ngay. Anh T1 tưởng thật đã giao xe cho T. Sau đó T đem xe đến cầm cố vay của Nguyễn Tiến Đ 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) rồi chi tiêu hết. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có cơ sở pháp luật.

[3] Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ...

d/ Tái phạm nguy hiểm”...

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Mặc dù trước đó bị cáo đã bị Tòa án kết án nhiều lần, tái phạm, chưa được xóa án tích, lần này lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung là “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53, điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Sau khi phạm tội đã bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm minh.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[6] Về hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, nhân thân rất xấu, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, không những nhằm trừng trị mà còn để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, phòng ngừa chung cho xã hội, đáp ứng được mục đích của hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Nhưng xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị Lệ H) cùng thống nhất thỏa thuận: Bị cáo là người phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị H số tiền 4.500.000 đồng mà chị H đã trả cho anh Đ để lấy lại xe. Nhưng thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chị H đã rút toàn bộ yêu cầu này, không buộc bị cáo phải trả tiền cho mình. Xét thấy, đây là quan hệ dân sự, các bên tự nguyện thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về những vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với Nguyễn Tiến Đ là người nhận cầm cố xe mô tô, cho Lê Thanh T vay 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), anh Đ không biết xe này do T phạm tội mà có nên không đủ căn cứ xử lý hình sự. Hành vi nhận cầm cố tài sản không có giấy tờ chứng minh chủ sở hữu tài sản của anh Đ là vi phạm hành chính, đã bị Công an thành phố Uông Bí đã ra Quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Phạm Văn C và anh Hoàng Văn Y là những người đi cùng với Lê Thanh T đến nhà Đ, nhưng quá trình điều tra thấy anh C và anh Y không biết tài sản trên do T phạm tội mà có, không tham gia, không được hưởng lợi từ số tiền do T chiếm đoạt nên không có cơ sở để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) bị cáo cầm cố xe có được đã chi tiêu hết là tiền do phạm tội mà có, cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Căn cứ vào: điểm d khoản 2 Điều 174; điểm b khoản 2 Điều 53; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 08/5/2018).
3. Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu (truy thu) sung ngân sách Nhà nước số tiền 4.500.000 đồng của bị cáo Lê Thanh T do phạm tội mà có (hiện chưa thu và chưa giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).
4. Căn cứ vào: các khoản 1 và 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Thanh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.
5. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (chị Nguyễn Thị Lệ H) có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Nguyễn Tiến Đ) có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; NLQ;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Công an TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP. Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.(Th. L 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lâm